

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HS-PT
Ngày 02-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Chu Long Kiêm;

Bà Chu Thị Nguyễn Phin.

- Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:
Bà Lương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 57/2018/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Đinh Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2018/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đinh Văn T, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1979, tại tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn X (đã chết) và bà Vi Thị K1, sinh năm 1956; có vợ Lương Thị Hải Y, sinh năm 1982; có 03 con, con lớn nhất 16 tuổi, con nhỏ nhất 07 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 45/2015/HS-ST ngày 11/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù về Tội đánh bạc; Bản án số 17/2016/HSPT ngày 07/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù về Tội đánh bạc, ngày 17/8/2016 chấp hành xong hình phạt tù; nhân thân: Năm 2006 có 02 lần vận chuyển hàng cấm bị Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng và 5.000.000 đồng; năm 2007 vận chuyển hàng cấm bị Công an thành phố Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính 4.000.000 đồng; năm 2011 sử dụng trái phép tài sản của người khác bị Công an thành phố Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng; năm 2012 sử dụng công cụ hỗ trợ trái phép, đánh nhau bị Công an thành phố Lạng Sơn xử

phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng; Bản án số 179/2013/HS-ST ngày 26/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù về Tội tổ chức đánh bạc; bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/11/2017 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15/5/1978 tại tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, thị trấn C1, huyện C2, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ ga đường sắt Sông Hóa, huyện C2, tỉnh Lạng Sơn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T2, sinh năm 1950 và bà Trần Thị M1, sinh năm 1948; có vợ Lương Thanh T3, sinh năm 1979 và có 02 con; con lớn 17 tuổi, con nhỏ 13 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 39/2016/HS-ST ngày 02/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 16 tháng về Tội bắt giữ người trái pháp luật, ngày 02/10/2017 chấp hành xong hình phạt; nhân thân: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12.000.000 đồng về Tội đánh bạc; bị cáo bị bắt giữ từ ngày 20/11/2017 đến ngày 26/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

3. Nguyễn Đức H, sinh ngày 18/11/1985 tại tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đường L1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1954; có vợ Hoàng Ánh T4, sinh năm 1982 và có 01 con 10 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 168/2013/HS-ST ngày 21/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 04 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy, ngày 24/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù; nhân thân: Năm 2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù về Tội cưỡng đoạt tài sản, năm 2007 chấp hành xong hình phạt tù; năm 2012, Công an thành phố Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng; ngày 27/4/2012, tham gia đánh bạc cùng đồng bọn, Công an thành phố Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng; bị cáo bị bắt giữ ngày 20/11/2017 đến ngày 13/02/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

4. Trịnh Linh N, sinh ngày 13/01/1983 tại tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường T5, phường T6, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Đường B1, phường H1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn L2, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1960; có chồng Trần Anh Đ, sinh năm 1982 và có 02 con, con lớn 11 tuổi, con nhỏ 07 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 29/3/2016 tham gia đánh bạc, Công an thành phố Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, ngày

20/7/2016 chấp hành xong; bị cáo bị bắt giữ từ ngày 20/11/2017 đến ngày 26/01/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

5. Lê Thị K1, sinh ngày 22/11/1966 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M3, xã Q, huyện C2, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Khu L3, thị trấn Đ1, huyện C3, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Viết B2, sinh năm 1942 và bà Giáp Thị K2, sinh năm 1946; có chồng Tô Anh S, sinh năm 1964 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, 12 tháng thử thách về Tội đánh bạc; bị cáo bị bắt giữ ngày 20/11/2017 đến ngày 16/01/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

6. Nguyễn Đức L4, sinh ngày 29/6/1979 tại tỉnh Bắc Ninh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố T7, phường C4, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe ô tô; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T8, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958; có vợ Lý Thị Quỳnh T9, sinh năm 1991, có 02 con, lớn 8 tuổi, nhỏ 4 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; năm 2012, Công an thành phố Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng; Phòng PC14 – Công an tỉnh Lạng Sơn lập hồ sơ xử phạt 2.000.000 đồng do có hành vi đánh người gây tổn hại đến sức khỏe người khác; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 22/11/2017; có mặt.

Ngoài ra còn có 08 bị cáo khác bị xử phạt về các Tội tổ chức đánh bạc và Tội gá bạc không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 45 phút, ngày 20/11/2017, tổ công tác Công an thành phố Lạng Sơn làm nhiệm vụ, phát hiện bắt quả tang tại đường L5, phường Đ2, thành phố L gồm: Đinh Văn T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức T1, Trần Văn N1, Trịnh Công N2, Trần Văn G, Lê Thị K1, Trần Văn T10, Trịnh Linh N, Đinh Văn C5 đang đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền. Quá trình bắt quả tang đã thu giữ trên chiếu bạc 134.500.000 đồng gồm 129.100.000 đồng ở giữa chiếu bạc và 5.400.000 đồng trong hộp bìa bằng cac-tong trên chiếu bạc (tiền của những người thắng sau mỗi ván để lại gọi là tiền “bắt sâu”).

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận như sau: Khoảng 08 giờ ngày 20/11/2017, Đinh Văn T và Phạm Thanh K3 đã gọi điện trao đổi với nhau về

việc gọi người đến nhà của Nguyễn Thị H2 ở đường L5 chơi cờ bạc. Đinh Văn T gọi cho Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức L4. Còn Phạm Thanh K3 gọi điện cho Trịnh Công N2, Trần Văn T10, Trần Văn G, Đinh Văn C5, Nguyễn Văn H3, Trần Văn N1, Trịnh Linh N và Lê Thị K1 để đến nhà Nguyễn Thị H2 đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2018/HS-ST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn đã tuyên bố các bị cáo Đinh Văn T; Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức H, Trịnh Linh N, Lê Thị K1, Nguyễn Đức L4 phạm Tội đánh bạc.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/11/2017; phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 25 (hai mươi lăm) tháng tù. Được trừ đi thời gian tạm giam từ 20/11/2017 đến 26/01/2018. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án; phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 28 (hai mươi tám) tháng tù. Được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 20/11/2017 đến 13/02/2018. Thời gian tù tính từ ngày đi chấp hành án; phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trịnh Linh N 02 (hai) năm tù. Được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 20/11/2017 đến 26/01/2018. Thời gian tù tính từ ngày đi chấp hành án; phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lê Thị K1 02 (hai) năm tù. Được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 20/11/2017 đến 16/01/2018. Thời gian tù tính từ ngày đi chấp hành án; phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L4 02 (hai) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày đi chấp hành án; phạt bổ sung bị cáo 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo khác về các Tội tổ chức đánh bạc và Tội gá bạc với mức án từ 18 tháng tù đến 02 năm tù cho hưởng án treo, giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú và gia đình

giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Ngày 26/4/2018, bị cáo Nguyễn Đức L4 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo;

Ngày 02/5/2018, bị cáo Trịnh Linh N kháng cáo xin hưởng án treo;

Ngày 02/5/2018, bị cáo Lê Thị K1 kháng cáo xin hưởng án treo;

Ngày 03/5/2018, bị cáo Nguyễn Đức H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù;

Ngày 27/4/2018, bị cáo Nguyễn Đức T1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo;

Ngày 02/5/2018, bị cáo Đinh Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trịnh Linh N, Lê Thị K1, Nguyễn Đức T1, Đinh Văn T xin bổ sung kháng cáo: Nếu không được hưởng án treo thì xin được giảm nhẹ hình phạt tù.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết mới phát sinh sau xét xử sơ thẩm; đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức H, Trịnh Linh N, Nguyễn Đức L4; riêng bị cáo Lê Thị K1 đề nghị giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng chuyển cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức T1, Trịnh Linh N, Nguyễn Đức L4, Lê Thị K1 đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có căn cứ để kết luận hồi 13 giờ 45 phút ngày 20/11/2017 tại nhà riêng của Nguyễn Thị H2 ở đường L5, phường Đ2, thành phố L; các bị cáo đang đánh bạc bằng hình thức sát phạt nhau bằng tiền thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc được 134.000.000 đồng. Vì vậy, Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về Tội đánh bạc theo khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, không oan. Các bị cáo không kháng cáo về tội danh, chỉ kháng cáo về phần hình phạt tù.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Đinh Văn T xin được giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có vai trò là người cầm cái trong suốt thời gian đánh bạc. Bị cáo đã được cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46

Bộ luật Hình sự năm 1999 cụ thể: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố đẻ bị cáo là ông Đinh Văn X được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 2; bị cáo có tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt bị cáo 03 năm tù giam là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, vợ bị cáo là chị Lương Thị Hải Y có xuất trình các tài liệu sau: Biên lai thu tiền nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; biên lai thu tiền phạt bổ sung 3.000.000 đồng; giấy ra viện của chị Lương Thị Hải Y; sổ điều trị ngoại trú tâm thần và thần kinh của Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội của chị Lương Thị Hải Y; hồ sơ bệnh án nội trú của chị Lương Thị Hải Y. Xét thấy, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới do cấp sơ thẩm chưa có điều kiện để xem xét, do đó cần áp dụng thêm cho bị cáo một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, bị cáo đã rất nhiều lần bị xét xử về Tội đánh bạc, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội; căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo, bị cáo không đủ điều kiện cho hưởng án treo, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo; chỉ có căn cứ để chấp nhận giảm hình phạt tù cho bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T1 xin được giảm án phạt tù và xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo với vai trò là người theo sự chỉ đạo của bị cáo Đinh Văn T chuẩn bị công cụ kẻ băng vị, canh giữ băng vị để đánh bạc; chịu trách nhiệm giữ tiền cho Đinh Văn T và chi trả tiền cho người thắng bạc, như vậy bị cáo tham gia đánh bạc với hình thức giúp sức cho bị cáo Đinh Văn T. Bị cáo đã được cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cụ thể: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Đức T2; mẹ đẻ là bà Trần Thị M1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo có tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt bị cáo 25 tháng tù giam là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã xuất trình biên lai nộp tiền hình phạt bổ sung 3.000.000 đồng; bị cáo là lao động chính trong gia đình, mẹ đẻ bị tai nạn giao thông cụt cả hai chân. Xét thấy, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét do đó cần áp dụng thêm cho bị cáo một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo, nên chỉ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức H xin giảm nhẹ hình phạt tù, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người tham gia đánh bạc. Bị cáo đã được cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cụ thể: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Đức B được Nhà nước tặng thưởng 02 Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3; bị cáo có tình tiết định khung

là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt bị cáo 28 tháng tù giam là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình căn cứ mới đã nộp tiền phạt và tiền án phí theo quyết định của Bản án sơ thẩm; điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn nhất định, việc bị cáo tự nguyện chấp hành một phần quyết định của Bản án sơ thẩm thể hiện sự ăn năn hối cải; nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt tù cho bị cáo để bị cáo có cơ hội cải tạo tốt sớm trở về cộng đồng chăm sóc gia đình.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Trịnh Linh N xin giảm án phạt tù và được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người đánh bạc với tính chất mức độ hạn chế. Bị cáo đã được cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cụ thể: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù giam là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình Huân chương kháng chiến của ông Trịnh Xuân T11 (là bác ruột của bị cáo) và ông Trịnh Văn M3 (là ông nội của bị cáo). Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật Hình sự năm 1999, ông Trịnh Xuân T11, ông Trịnh Văn M3 không phải bố đẻ của bị cáo do đó căn cứ trên không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; các tình tiết mới bị cáo xuất trình thêm bao gồm: Biên lai nộp tiền phạt, tiền án phí theo quyết định của Bản án sơ thẩm cùng với đơn có xác nhận của chính quyền việc vợ chồng bị cáo ly thân từ lâu, hiện bị cáo đang phải nuôi hai con nhỏ; điều đó chứng minh bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, điều kiện gia đình gặp khó khăn thật sự; nhưng do bị cáo đã có tiền sự chưa hết thời hiệu được xóa nên căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo thì bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo không có căn cứ để chấp nhận, nhưng có căn cứ để giảm hình phạt tù cho bị cáo.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị K1 xin được giảm án phạt tù và hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người tham gia đánh bạc, khi được Phạm Thanh K3 gọi điện thoại rủ đánh bạc, bị cáo đã bỏ công việc buôn bán hàng hóa và từ thị trấn Đ1 về thành phố Lạng Sơn để đánh bạc, điều này cho thấy bị cáo là người ham mê cờ bạc, nhân thân của bị cáo không tốt vì năm 2012 bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về Tội đánh bạc, tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không chịu sửa chữa lỗi lầm lại tiếp tục phạm Tội đánh bạc. Bị cáo đã được cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cụ thể: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố đẻ bị cáo là ông Lê Viết B2 và mẹ đẻ là bà Giáp Thị K2 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3. Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt bị cáo 02 năm tù giam là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm tình tiết mới đã chấp hành nộp phạt,

tiền án phí theo quyết định của Bản án sơ thẩm, đồng thời có đơn trình bày điều kiện hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, vợ chồng đã ly hôn, bản thân đang phải phụng dưỡng bố mẹ già; nhưng theo Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo, nên chỉ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức L4 xin được giảm án phạt tù và hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi được bị cáo Đinh Văn T gọi điện rủ đánh bạc, bị cáo đã tích cực tham gia. Bị cáo đã được cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cụ thể: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau phạm tội bị cáo ra đầu thú, nhưng bị cáo lại có nhân thân không tốt vì đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt bị cáo 02 năm tù giam là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được căn cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo và theo Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo; nhưng có căn cứ mới cho thấy điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn vợ đã bỏ đi đâu không rõ, bản thân đang phải nuôi dưỡng hai con nhỏ và ba cháu nhỏ là con của em trai do hoàn cảnh éo le. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt tù của bị cáo.

[8] Như vậy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử đều được chấp nhận; ý kiến không phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử không được chấp nhận và đã được phân tích, đánh giá.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức H, Trịnh Linh N, Lê Thị K1, Nguyễn Đức L4 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Đức T1; Nguyễn Đức H, Trịnh Linh N, Lê Thị K1, Nguyễn Đức L4; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2018/HS-ST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo

Đinh Văn T 30 (ba mươi) tháng tù giam về Tội đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/11/2017.

1.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 15 (mười lăm) tháng tù giam về Tội đánh bạc; được trừ đi thời gian tạm giam từ 20/11/2017 đến 26/01/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 24 (hai mươi tư) tháng tù giam về Tội đánh bạc; được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 20/11/2017 đến 13/02/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trịnh Linh N 15 (mười lăm) tháng tù giam về Tội đánh bạc; được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 20/11/2017 đến 26/01/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lê Thị K1 18 (mười tám) tháng tù giam về Tội đánh bạc; được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 20/11/2017 đến 16/01/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L4 18 (mười tám) tháng tù giam về Tội đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức H, Trịnh Linh N, Lê Thị K1, Nguyễn Đức L4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 02/7/2018./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV27 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Hình sự.

Lê Xuân Sơn